TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2021
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021. Giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp Bờ Xáng, xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp Bờ Xáng, xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Trần Văn S trình bày:

Ông và Bà Lê Thị H chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau dẫn đến mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần khắc phục để hàn gắng tình cảm vợ chồng

nhưng không có kết quả nên ông và bà Hđã tự sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống ông và bà Hcó một con chung là Trần Thị Anh Thư, sinh ngày: 29/3/1998, hiện cháu Thư đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay Ông Skhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Lê Thị H.

Về con chung: Đã trưởng thành

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Hđã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà Hđến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Skhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Hnên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Scó đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/5/2021, bà Hđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Ông Svà bà Htheo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Ông Svà bà Hchung sống với nhau vào năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận Ông Svà bà Hlà vợ chồng.

- Về con chung: Đã trưởng thành

Về tài sản và nợ chung: Ông Skhông yêu cầu giải quyết

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Syêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002125 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị Lệ nộp thay).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Ông Trần Văn S và Bà Lê Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Ông Trần Văn S phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002125 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị Lệ nộp thay).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm